

**DANH SÁCH TTHC LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND PHƯỜNG QUỲNH MAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND phường Quỳnh Mai)

STT	MÃ THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	TRA CỨU
1.	1.013822.H41	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	
2.	1.013821.H41	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	
3.	1.011494	Hỗ trợ kinh phí hàng tháng đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc hộ gia đình nghèo	Bảo trợ xã hội	
4.	1.001731.000.00.00.H41	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	

5.	1.001653.000.00.00.H41	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	
6.	1.001699.000.00.00.H41	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	
7.	2.000355.000.00.00.H41	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	
8.	1.001776.000.00.00.H41	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	
9.	2.000282.000.00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	
10.	2.000477.000.00.00.H41	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	

11.	2.000286.000.00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	
12.	1.012974.000.00.00.H41	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)	
13.	1.012973.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)	
14.	1.012971.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)	
15.	1.012975.000.00.00.H41	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)	
16.	1.012972.000.00.00.H41	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)	

17.	3.000309.000.00.00.H41	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)	
18.	1.002759.000.00.00.H41	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (TC)	
19.	1.012538.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách	
20.	1.012537.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách	
21.	1.012301.000.00.00.H41	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức (NV)	
22.	1.012300.000.00.00.H41	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (NV)	

23.	1.012299.000.00.00.H41	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (NV)	
24.	1.012223.000.00.00.H41	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc (DT&TG)	
25.	1.012222.000.00.00.H41	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc (DT&TG)	
26.	1.003943.000.00.00.H41	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (YT)	
27.	1.002150.000.00.00.H41	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (YT)	
28.	1.002192.000.00.00.H41	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán YT hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (YT)	

29.	1.003564.000.00.00.H41	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (YT)	
30.	1.012085.000.00.00.H41	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình (VH,TT&DL)	
31.	1.012084.000.00.00.H41	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình (VH,TT&DL)	
32.	1.012961.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)	
33.	1.012962.000.00.00.H41	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)	
34.	1.006445.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)	

35.	1.006444.000.00.00.H41	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)	
36.	1.006390.000.00.00.H41	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)	
37.	2.001960.000.00.00.H41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (GD&ĐT)	
38.	2.002284.000.00.00.H41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (GD&ĐT)	
39.	1.012970.000.00.00.H41	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)	
40.	1.012969.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)	

41.	3.000307.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)	
42.	3.000308.000.00.00.H41	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)	
43.	1.012963.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)	
44.	1.001639.000.00.00.H41	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)	
45.	1.004563.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)	
46.	1.004552.000.00.00.H41	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)	

47.	1.005099.000.00.00.H41	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)	
48.	2.001842.000.00.00.H41	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)	
49.	1.012966.000.00.00.H41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
50.	1.012965.000.00.00.H41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
51.	1.012968.000.00.00.H41	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
52.	1.012967.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	

53.	1.012964.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
54.	2.002483.000.00.00.H41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
55.	2.002482.000.00.00.H41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
56.	2.002481.000.00.00.H41	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
57.	3.000182.000.00.00.H41	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
58.	1.005108.000.00.00.H41	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	

59.	2.001904.000.00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)	
60.	2.002770.H41	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
61.	2.002771.H41	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
62.	1.002407.000.00.00.H41	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
63.	1.008950.000.00.00.H41	Trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
64.	1.005143.000.00.00.H41	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	

65.	1.008951.000.00.00.H41	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
66.	1.000691.000.00.00.H41	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
67.	1.000280.000.00.00.H41	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
68.	1.000288.000.00.00.H41	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
69.	1.001714.000.00.00.H41	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
70.	1.001622.000.00.00.H41	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	

71.	1.008725.000.00.00.H41	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
72.	1.008724.000.00.00.H41	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
73.	1.005144.000.00.00.H41	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
74.	1.003702.000.00.00.H41	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)	
75.	1.000713.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (GD&ĐT)	

76.	1.000711.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (GD&ĐT)	
77.	1.000715.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (GD&ĐT)	
78.	1.010830.000.00.00.H41	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (NV)	
79.	1.010829.000.00.00.H41	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (NV)	
80.	1.010811.000.00.00.H41	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công (NV)	
81.	1.010803.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công (NV)	

82.	1.010802.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công (NV)	
83.	1.010833.000.00.00.H41	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công (NV)	
84.	2.001396.000.00.00.H41	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (NV)	
85.	1.010825.000.00.00.H41	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công (NV)	
86.	1.010824.000.00.00.H41	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công (NV)	
87.	2.001157.000.00.00.H41	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (NV)	

88.	1.010821.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công (NV)	
89.	1.010820.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công (NV)	
90.	1.010819.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công (NV)	
91.	1.010818.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công (NV)	
92.	1.010817.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (NV)	
93.	1.010816.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (NV)	

94.	1.010812.000.00.00.H41	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công (NV)	
95.	1.010810.000.00.00.H41	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công (NV)	
96.	1.010805.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công (NV)	
97.	1.010804.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công (NV)	
98.	1.001257.000.00.00.H41	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công (NV)	

99.	2.002307.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công (NV)	
100.	1.004964.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công (NV)	
101.	1.010941.000.00.00.H41	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (YT)	
102.	1.010940.000.00.00.H41	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (YT)	
103.	2.001661.000.00.00.H41	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (YT)	
104.	1.010939.000.00.00.H41	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (YT)	

105.	1.010938.000.00.00.H41	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (YT)	
106.	1.005219.000.00.00.H41	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước (NV)	
107.	2.002105.000.00.00.H41	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước (NV)	
108.	1.013703.H41	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
109.	1.013716.H41	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
110.	1.013708.H41	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	

111.	1.013712.H41	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
112.	1.013702.H41	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
113.	1.013715.H41	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
114.	1.013709.H41	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
115.	1.013714.H41	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
116.	1.013711.H41	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	

117.	1.013704.H41	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
118.	1.013713.H41	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
119.	1.013710.H41	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
120.	1.013707.H41	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
121.	1.013717.H41	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	
122.	2.000794.000.00.00.H41	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao (VH, TT & DL)	

123.	1.012422.H41	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	Thi đua, khen thưởng (YT)	
124.	1.005090.000.00.00.H41	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh (GD&ĐT)	
125.	1.002179.000.00.00.H41	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (TC)	
126.	1.001939.000.00.00.H41	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (TC)	
127.	1.002051.000.00.00.H41	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (TC)	
128.	1.013798.H41	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	

129.	1.013797.H41	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
130.	1.013796.H41	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
131.	1.012582.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
132.	1.012590.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
133.	1.012584.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
134.	1.012585.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	

135.	1.012591.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
136.	1.012592.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
137.	1.012598.000.00.00.H41	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT HUYỆN	Tín ngưỡng, tôn giáo (DT&TG)	
138.	1.012533.000.00.00.H41	Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Tổ chức, cán bộ	
139.	1.004944.000.00.00.H41	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (YT)	
140.	2.001942.000.00.00.H41	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em (YT)	

141.	2.001944.000.00.00.H41	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (YT)	
142.	1.004941.000.00.00.H41	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (YT)	
143.	2.001947.000.00.00.H41	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em (YT)	
144.	1.004946.000.00.00.H41	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (YT)	
145.	3.000468.H41	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (GD&ĐT)	
146.	3.000467.H41	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (GD&ĐT)	

147.	1.003622.000.00.00.H41	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa (VH,TT&DL)	
148.	1.013791.H41	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa (VH,TT&DL)	
149.	1.013725.H41	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Việc làm (NV)	
150.	1.013724.H41	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Việc làm (NV)	
151.	1.013750.H41	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công (NV)	
152.	1.013706.H41	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (NV)	

153.	1.013749.H41	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công (NV)	
154.	1.013734.H41	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước (NV)	
155.	1.013793.H41	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (VH,TT&DL)	
156.	1.013792.H41	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (VH,TT&DL)	
157.	1.013794.H41	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (VH,TT&DL)	

158.	1.013795.H41	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (VH,TT&DL)	
------	--------------	---	---	---